

Bản án số: 51/2025/DS-ST

Ngày 25 tháng 9 năm 2025

“V/v Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng
đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương**

Bà **Vũ Thị Phương Thuý**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Oanh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10-Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 143/2024/TLST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn C** sinh năm: 1963; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt);

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Văn C: Ông **Phạm Văn K** sinh năm 1996; Địa chỉ: Số C, N, phường V, tỉnh Phú Thọ, (Có mặt);

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn P** sinh năm 1980, bà **Lê Thị T** sinh năm 1980; Cùng địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Phú Thọ, (Ông P vắng mặt, bà T có mặt);

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị T1** - Sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Phú Thọ, (vắng mặt)

Ông **Lê Hồng P1** - Sinh năm 1987; Địa chỉ: Chung cư T, phường K, thành phố Hà Nội, (Có mặt)

Bà **Lê Thị L** - Sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Phú Thọ, (Có mặt);

Ông **Lê Văn L1** - Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Phú Thọ, (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 10 năm 2024 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn K trình bày: Gia đình ông Lê Văn C có quyền sử dụng thửa đất số 512, tờ bản đồ số 06, diện tích 300m² (tương ứng là thửa đất số 519, tờ bản đồ số 11, diện tích 250,1m² theo bản đồ hệ tọa độ VN2000), có địa chỉ tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 491313 ngày 30/11/2001 mang tên hộ ông Lê Văn C. Tại thời điểm ngày 30/11/2001 hộ ông Lê Văn C gồm 05 thành viên: Lê Văn C, Nguyễn Thị T1, Lê Hồng P1, Lê Thị L, Lê Văn L1. Vừa qua, gia đình ông C đã thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận nêu trên thì phát hiện diện tích đất nhà ông C đang sử dụng khoảng 250m², tức là thiếu khoảng 50m² so với Giấy chứng nhận đã cấp. Bên cạnh đấy, vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị T đang sử dụng thửa đất số 505, tờ bản đồ số 11, diện tích khoảng 192,5m² theo bản đồ hệ tọa độ VN2000 (tương ứng là thửa đất số 501, tờ bản đồ số 06, diện tích 140m² theo bản đồ 299) liền kề với thửa đất của gia đình ông C, thửa đất này được ông P, bà T nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị N (con gái bà K1). Trước đây bà K1 sử dụng thửa đất này có diện tích khoảng 140m², tức hiện nay vợ chồng ông P, bà T đang sử dụng tăng thêm khoảng 52,5m² so với thời điểm bà K1 sử dụng. Ông C cho rằng vợ chồng ông P, bà T sử dụng diện tích đất tăng thêm khoảng 52,5m² so với thời điểm bà K1 sử dụng là do lấn chiếm sang thửa đất của gia đình ông C, cụ thể lấn chiếm sâu vào cạnh phía Bắc của thửa đất gia đình ông C khoảng 3,6m. Ngày 15/01/2025 Tòa án đã về kiểm tra xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp giữa hai gia đình đã xác định chiều về phía Bắc, đất của gia đình ông C đã làm nhà, xây tường chưa hết đất, khi đào một phần đất đã xác định được móng nhà cũ của gia đình bà K1 đã có từ trước, sau khi đo đạc xác định đất của gia đình ông có diện tích đất thực tế đo đạc là 265,4m² (bao gồm cả diện tích đất đang có tranh chấp là 10,9m²) và gia đình ông P, bà T là 180,3m² (có sơ đồ chi tiết kèm theo). Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2024, gia đình ông C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải

quyết: Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị T trả lại diện tích đất 50m² đã lấn chiếm sang thửa đất số 512, tờ bản đồ số 06, có địa chỉ tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc của gia đình ông C. Tuy nhiên sau khi kiểm tra hiện trạng thực tế thửa đất thì gia đình ông C xin thay đổi một phần nội dung khởi kiện, cụ thể: Ông C đề nghị buộc ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị T trả lại diện tích đất 10.9m² đã lấn chiếm sang thửa đất số 512, tờ bản đồ số 06, có địa chỉ tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc của gia đình ông C (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất đo vẽ ngày 15/01/2025. Hiện nay trên đất vẫn để trống, hai bên gia đình không xây dựng công trình gì.

- Bị đơn bà Lê Thị T trình bày: Gia đình bà có quyền sử dụng thửa đất số 505 tờ bản đồ số 11 diện tích 192,5 m² ở địa chỉ tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Nguồn gốc đất là do vợ chồng bà mua lại của bà Trần Thị N1 (con gái cụ Trần Thị K1 đã chết năm 2015) từ cuối năm 2017, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng bà là Nguyễn Văn P và Lê Thị T. Thửa đất mà vợ chồng bà đang sử dụng có một chiều tiếp giáp với thửa đất thổ cư của nhà ông Lê Văn C, con gái ông C là chị Lê Thị L giới thiệu tôi mua thửa đất đó. Khi vợ chồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như thế nào thì vẫn sử dụng như vậy, không có lấn chiếm gì đất của ai. Năm 2019 vợ chồng bà làm nhà xây cấp bốn trên thửa đất trên, khi làm nhà thì vợ chồng bà vẫn để lại phần đất trống giữa hai gia đình, không liên quan gì đến nhau. Nay nhà ông C khởi kiện đối với vợ chồng bà thì quan điểm bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông C vì lý do gia đình bà không lấn chiếm đất của ai.

Tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Văn P vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2024 ông Nguyễn Văn P trình bày như bà Lê Thị T đã trình bày. Quan điểm ông nhất trí như vợ ông đã trình bày. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của gia đình ông C vì lý do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như thế nào thì sử dụng như vậy, không lấn chiếm gì đất của ai.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Tại Bản tự khai ngày 04/11/2024 chị Lê Thị L, anh Lê Hồng P1 và anh Lê Văn L1 trình bày: Các anh chị là con trai và con gái của ông Lê Văn C. Gia đình các anh chị có thửa đất số 512, tờ bản đồ số 06 diện tích 300m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bố các anh chị là hộ ông Lê Văn C ngày

30/11/2001. Khi bố các anh chị có nhu cầu muốn làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã phát hiện ra thửa đất của gia đình chỉ còn lại diện tích theo hiện trạng là 250m², tức là thiếu khoảng 50m² so với Giấy chứng nhận đã cấp. Trong khi đó, vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị T đang sử dụng thửa đất số 505, tờ bản đồ số 11, diện tích khoảng 192,5m² theo bản đồ hệ tọa độ VN2000 (*tương ứng là thửa đất số 501, tờ bản đồ số 06, diện tích 140m² theo bản đồ 299*) liền kề với thửa đất của gia đình anh chị, trước đây chủ cũ sử dụng thửa đất này có diện tích khoảng 140m², do vậy bố các anh chị đã có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị T trả lại diện tích đất 50m² đã lấn chiếm sang thửa đất số 512, tờ bản đồ số 06, có địa chỉ tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) của gia đình anh chị. Quan điểm các anh chị hoàn toàn nhất trí theo như yêu cầu khởi kiện của bố các anh chị, không có ý kiến thắc mắc gì.

Tại Bản tự khai ngày 04/11/2024 bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà là vợ của ông Lê Văn C. Về quá trình sử dụng đất và nguồn gốc đất bà trình bày theo như chồng con bà đã trình bày ở trên. Về quan điểm bà cũng nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông C đã khởi kiện, bà không bổ sung gì thêm.

Xác minh tại UBND xã T (nay là xã T) ngày 09/5/2025 cho biết: Gia đình ông Lê Văn C có thửa đất số 512, tờ bản đồ số 06, diện tích 300m² ở thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) đã được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số U491313 số vào sổ cấp giấy 00546 QSDĐ do UBND huyện V cấp ngày 30/11/2001 mang tên hộ ông Lê Văn C. Còn gia đình ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị T có thửa đất số 505 tờ bản đồ số 11 diện tích 192,5 m² ở thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị T. Căn cứ theo sổ mục kê lưu tại UBND xã thể hiện: quyển số 01 năm 2000 trang số 145 số thửa số 501 tờ bản đồ số 6 diện tích 140m² đứng tên chủ sử dụng đất là Trần Thị K1. Thửa số 512 tờ bản đồ số 6 diện tích 300m² đứng tên Lê Văn C. Căn cứ sổ địa chính lưu tại UBND xã thể hiện: Quyển số 6 tại trang số 27 tên chủ sử dụng hộ bà Trần Thị K1 chồng Lê Văn M ở thôn P đăng ký sử dụng thửa đất số 501 tờ bản đồ 06 diện tích 140m² (sử dụng ổn định). Quyển số 02 trang 259 tên chủ sử dụng Lê Văn C sử dụng thửa đất số 512 tờ bản đồ 06 diện tích 300m² (trong đó 200m² đất làm nhà ở và 100m² đất làm vườn). Căn cứ sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lưu tại UBND xã thể hiện: Tại trang số 43 số thứ tự 0546 chủ sử dụng Lê Văn C diện tích 300m² thửa số 512 tờ bản đồ 06. Tại trang

số 92 số thứ tự 01194 tên chủ sử dụng đất Trần Thị K1 diện tích 140m² thửa số 501 tờ bản đồ 06. Theo bản đồ 299 thể hiện: số thửa số 501 tờ bản đồ số 6 diện tích 140m² và thửa số 512 tờ bản đồ số 6 diện tích 300m². Theo sổ mục kê đo đạc tạm thời được lập năm 2012 quyển số 01 trang số 136 thể hiện thửa đất số 519, tờ bản đồ số 11, diện tích 250,1m² đứng tên chủ sử dụng đất là hộ ông Lê Văn C bà Nguyễn Thị T1 và thửa số 505 tờ bản đồ 11 diện tích 196,4m² đứng tên hộ ông Lê Thanh B bà Kim Thị L2. Hiện nay thửa đất số 505 tờ bản đồ số 11 diện tích 192,5m² là do vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị T đang sử dụng, lý do là vì nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị N1 (con gái cụ Trần Thị K1 đã chết) từ cuối năm 2017. Khi vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị N1 thì gia đình bà N1 đã được cấp đổi GCNQSD đất theo VN với diện tích là 192,5 m². Các bên đã ký mốc giới quyền sử dụng đất. Về phía UBND xã đã tiến hành xác minh công khai diện tích và thông báo trên loa phát thanh của xã, các bên không có ý kiến thắc mắc gì về mốc giới và diện tích thửa đất trong đó có sự nhất trí của hộ gia đình ông Lê Văn C.

Qua kiểm tra hiện trạng thửa đất của 2 gia đình ngày 15/01/2025 thể hiện:

Đối với diện tích đất gia đình ông Lê Văn C, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 có diện tích là 300 m², qua đo đạc thực tế có diện tích là 265,4m² trong đó có cả bao gồm phần diện tích đất đang có tranh chấp là 10,9m²; Đối với diện tích đất gia đình ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 có diện tích là 192,5 m², qua đo đạc thực tế có diện tích là 180,3m²; Phần đất tranh chấp giữa 02 gia đình có diện tích 10,9 m². Về sự chênh lệch diện tích thực tế với diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai gia đình là do tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản đồ 299 nên số liệu đo đạc không chính xác, hơn nữa các hộ tự kê khai nên có sự sai số nhất định. Đối với diện tích đất cấp đổi của hộ ông P, bà T khi UBND xã tiến hành cấp đổi đã công khai diện tích và thông báo cho gia đình ông C được biết, gia đình ông C đã ký giáp ranh và không có thắc mắc gì. Việc tranh chấp ranh giới đất giữa hai hộ gia đình đã được U nhiều lần nhưng không thành. Đến nay các bên có tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất. Nay căn cứ theo hiện trạng cũng như thực tế sử dụng đất, xác định về ranh giới đất của hai gia đình cần tôn trọng mốc giới đã có từ trước nên địa phương đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166, Điều 175, 176 Bộ luật dân sự 2015; Điều 95, 166, 167, 203 Luật đất đai; Điều 147, 157, 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326 đề nghị xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C về việc buộc gia đình ông P phải trả lại phần diện tích 10,9m² tại xã T, tỉnh Phú Thọ.

Về án phí, chi phí tố tụng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Văn C có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm nên được xác định quan hệ tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ), tài sản đang tranh chấp ở tại xã T, huyện V (N là xã T, tỉnh Phú Thọ). Do vậy, theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ.

Về sự vắng mặt của các đương sự là bị đơn ông Nguyễn Văn P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật.

[2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Gia đình ông Lê Văn C có thửa đất số 512, tờ bản đồ số 06, diện tích 300m² ở thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số U491313 số vào sổ cấp giấy 00546 QSDĐ do UBND huyện V cấp ngày 30/11/2001 đứng tên hộ ông Lê Văn C, hiện nay đất chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vẫn giữ nguyên hiện trạng.

Gia đình ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị T có thửa đất số 505 tờ bản đồ số 11 diện tích 192,5 m² ở thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 319784 cấp ngày 30/10/2017 đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị T, nguồn gốc đất là do vợ chồng ông Phú T2 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Lê Thị N và ông

Trần Văn P2 (Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 29/9/2017). Căn cứ theo sổ mục kê lưu tại UBND xã T thể hiện: quyền số 01 năm 2000 trang số 145 số thửa số 501 tờ bản đồ số 6 diện tích 140m² đứng tên chủ sử dụng đất là Trần Thị K1. Căn cứ sổ địa chính lưu tại UBND xã T thể hiện: Quyền số 6 tại trang số 27 tên chủ sử dụng hộ bà Trần Thị K1 chồng Lê Văn M ở thôn P đăng ký sử dụng thửa đất số 501 tờ bản đồ 06 diện tích 140m². Trước khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng Phú T2, năm 2015 gia đình bà Lê Thị N đã làm thủ tục xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đổi thửa đất nêu trên, UBND xã T (nay là xã T) đã làm các thủ tục hồ sơ cấp đổi bao gồm: Xác minh nguồn gốc diện tích đất thổ cư của gia đình bà Lê Thị N đề ngày 08/6/2015 (BL 82-84), lấy ý kiến khu dân cư đề ngày 08/8/2015 (BL 80-81), lập biên bản kiểm tra hiện trạng đề ngày 05/6/2015 (BL79). Trong tất cả các văn bản đều thể hiện thửa đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì về mốc giới đất với các hộ xung quanh. *“Qua kiểm tra hiện trạng thửa đất của hộ bà Trần Thị K1 (đã chết) do con gái là Lê Thị N sử dụng có sự thay đổi về hình dạng và kích thước thửa đất dẫn đến việc tăng diện tích đất. Lý do tăng diện tích là do sai số trong tính toán và nhầm lẫn trong quá trình đo đạc vì mốc giới thửa đất giữa các hộ vẫn để lại cây chuối làm còi giữa các bên hộ giáp ranh”*. Bản thân ông Lê Văn C là chủ đất đã ký vào Xác minh nguồn gốc diện tích đất thổ cư của gia đình bà Lê Thị N đề ngày 08/6/2015 và biên bản kiểm tra hiện trạng đề ngày 05/6/2015 do UBND xã lập. Ngoài ra, xác minh tại UBND xã cũng như lời trình bày của các đương sự đều cho biết: Khi vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị N1 thì gia đình bà N1 đã được cấp đổi GCNQSD đất theo VN với diện tích là 192,5 m². Các bên đã ký mốc giới quyền sử dụng đất. Về phía UBND xã T đã tiến hành xác minh công khai diện tích và thông báo trên loa phát thanh của xã, các bên không có ý kiến thắc mắc gì về mốc giới và diện tích thửa đất trong đó có sự nhất trí của hộ gia đình ông Lê Văn C.

Về thực tế sử dụng đất: Qua xem xét thẩm định tại chỗ, phần diện tích tranh chấp 10,9m² hiện để trống, chưa có công trình xây dựng. Vị trí mốc giới giữa hai gia đình được giữ ổn định từ trước. Do đó, không có căn cứ xác định vợ chồng ông P, bà T đã có hành vi lấn chiếm đất của gia đình ông C như yêu cầu khởi kiện. Căn cứ tài liệu, chứng cứ, lời khai của các bên và kết quả xem

xét thẩm định, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có yêu cầu thành lập Hội đồng định giá tài sản và xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản có tranh chấp, nguyên đơn đã tạm nộp chi phí số tiền 7.000.000đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng nói trên. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng.

[4] Về án phí: Ông Lê Văn C là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 170 và Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C về việc buộc ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị T phải trả lại diện tích 10,9 m² đất cho gia đình ông C.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn C là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 10;
- Phòng THADS Khu vực 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải

